

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

Học phần: Logic học (EDU01A)

***ĐỀ TÀI: Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế.***

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu  
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Hà Như  
Lớp : K22LKTC  
Mã sinh viên : 22A4060170

Hà nội, ngày 12 tháng 7 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>3</b>
<b>1.Tính cấp thiết của đề tài.....</b>	<b>3</b>
<b>2.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....</b>	<b>3</b>
<b>3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....</b>	<b>3</b>
<b>4.Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....</b>	<b>4</b>
<b>5.Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....</b>	<b>4</b>
<b>NỘI DUNG.....</b>	<b>4</b>
<b>Phần 1: Phần lý luận.....</b>	<b>4</b>
<b>1.1: Định nghĩa và cấu tạo của tam đoạn luận đơn.....</b>	<b>4</b>
<b>1.2: Các loại hình tam đoạn luận đơn và các quy tắc.....</b>	<b>5</b>
<b>của tam đoạn luận đơn</b>	
<b>Phần 2: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân.....</b>	<b>8</b>
<b>2.1: Liên hệ thực tế.....</b>	<b>8</b>
<b>2.2: Liên hệ bản thân.....</b>	<b>12</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>14</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>14</b>

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Như chúng ta đã biết, dường như mọi hoạt động của con người đều liên quan đến tư duy. Nói đến tư duy phải nói đến các hình thức cơ bản của tư duy: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụ biện. Và suy luận là một hình thức nổi bật của tư duy, giúp gắn kết các tri thức của con người hoàn thiện hơn, làm phong phú mạnh mẽ thêm những tri thức ấy. Nhờ có suy luận mà chúng ta có thể hiểu hơn về những gì vốn chỉ thể quan sát trực tiếp được. Suy luận thì có hai hình thức chính là suy luận quy nạp và suy luận diễn dịch. Suy luận diễn dịch thì có hai dạng: diễn dịch trực tiếp và gián tiếp. Và tam đoạn luận đơn là một điển hình của suy luận diễn dịch gián tiếp có ý nghĩa trong nhận thức và cuộc sống của con người. Ngày nay trong tư duy hàng ngày thì tam đoạn luận đơn vẫn giữ một giá trị không thể gì thay thế được. Chính vì tầm quan trọng như vậy, em đã chọn đề tài 5 “Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế”.

### **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích là phân tích làm rõ vai trò của tam đoạn luận đơn trong thực tiễn cũng như trong nhận thức. Để làm được điều đó, cần giải quyết được các vấn đề về : Định nghĩa và cấu tạo, các loại hình, các quy tắc của tam đoạn luận đơn và các lỗi logic thông qua các tình huống thực tế.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng: là tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc thông qua tình huống thực tế.

Phạm vi : không gian là Việt Nam, thời gian là giai đoạn hiện nay.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

+) Cơ sở lý luận: quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy, đặc biệt là suy luận diễn dịch gián tiếp ( tam đoạn luận đơn ).

+) Phương pháp nghiên cứu: thống nhất logic và lịch sử, phân tích tổng hợp từ giáo trình, sách tham khảo và các bài báo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ đó khái quát hoá, hệ thống hóa, hình thức hóa những kiến thức tìm hiểu được sắp xếp đưa vào mục, chủ đề phù hợp để nội dung bài tiểu luận được sâu sắc và hợp lý.

#### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn:**

+) Ý nghĩa lý luận: Từ việc suy luận, con người ta có thể suy ra biết được những tri thức mới thông qua những tri thức cũ.

+) Ý nghĩa thực tiễn: Từ hai tiền đề cho trước con người ta có thể suy ra được một kết luận mới, hoàn thiện hơn về nhận thức. Từ đó ta có thể chứng minh hoặc đưa ra những bác bỏ về tiền đề, phán đoán không đúng trong những cuộc nói chuyện hoặc tranh luận trong cuộc sống.

### **NỘI DUNG**

#### **Phần 1: Phần lý luận**

##### **1.1: Định nghĩa và cấu tạo của tam đoạn luận đơn**

###### **a ) Định nghĩa**

Định nghĩa: Tam đoạn luận là suy luận trong đó dựa vào mối quan hệ trực tiếp giữa M với P và M với S ở tiền đề để rút ra quan hệ gián tiếp giữa S và P ở kết luận. Như vậy, M là cầu nối giữa S và P, nếu vì lý do nào đó nó không thực hiện được chức năng này thì tam đoạn luận coi như không xây dựng được.

## **b ) Cấu tạo của tam đoạn luận đơn**

Cấu tạo của tam đoạn luận đơn gồm hai tiền đề và một kết luận, ba thuật ngữ:

Thuật ngữ nhỏ: chủ từ trong kết luận (S)

Thuật ngữ lớn: vị từ trong kết luận (P)

Thuật ngữ giữa: có mặt ở cả hai tiền đề (M)

Trong đó: -Tiền đề có chứa thuật ngữ lớn ( P ) gọi là tiền đề lớn

-Tiền đề có chứa thuật ngữ nhỏ ( S ) gọi là tiền đề nhỏ

## **1.2: Các loại hình tam đoạn luận và các quy tắc của tam đoạn luận**

### **a ) Các loại hình tam đoạn luận**

Căn cứ vào vị trí của M trong các tiền đề thì có bốn loại hình

*Loại hình I: M làm chủ từ ở tiền đề lớn và làm vị từ ở tiền đề nhỏ*

Sơ đồ:        M    P

S    M

S    P

*Loại hình II: M làm vị từ ở cả hai tiền đề*

Sơ đồ:        P    M

S    M

S    P

*Loại hình III: M làm chủ từ ở cả hai tiền đề*

Sơ đồ:        M    P

M    S

S    P

*Loại hình IV: M làm vị từ ở tiền đề lớn và chủ từ ở tiền đề nhỏ*

Sơ đồ:            P    M

     M    S

     S        P

## **b) Các quy tắc của tam đoạn luận đơn**

*Các quy tắc chung cho mọi loại hình : có tám quy tắc, trong đó ba quy tắc cho thuật ngữ, năm quy tắc cho tiền đề.*

### ***Ba quy tắc cho thuật ngữ***

-Quy tắc 1: Trong tam đoạn luận chỉ được phép có ba thuật ngữ (S, M, P). Việc vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi “sinh thêm thuật ngữ”. Chẳng hạn, chúng ta có hai phán đoán với nội dung khác nhau, không được gắn kết bởi thuật ngữ giữa, thì không thể rút ra kết luận gì. Lỗi logic “sinh thêm thuật ngữ” còn thường xảy ra khi sử dụng các từ đồng âm khác nghĩa.

-Quy tắc 2: Thuật ngữ giữa phải chu diên ít nhất một lần trong hai tiền đề. Nếu vi phạm quy tắc này, thì mối liên hệ giữa thuật ngữ lớn và nhỏ sẽ không xác định. Điều đó nghĩa là, kết luận không tất suy logic từ các tiền đề.

-Quy tắc 3: Nếu thuật ngữ ( lớn và nhỏ ) không chu diên ở tiền đề, thì cũng không được chu diên ở kết luận.

### ***Năm quy tắc cho tiền đề***

-Quy tắc 1: Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không rút ra kết luận. ít nhất một trong chúng phải là phán đoán khẳng định.

-Quy tắc 2: Nếu một tiền đề là phủ định, thì kết luận cũng phải là phủ định. Quy tắc thể hiện tính nhất quán, phi mâu thuẫn trong suy luận bởi có một tiền đề phủ định mà kết luận là khẳng định thì tư duy sẽ gặp phải mâu thuẫn logic.

-Quy tắc 3: Nếu hai tiền đề cùng là phán đoán bộ phận, thì không rút ra được kết luận. Trong trường hợp trên, S và P chỉ rõ quan hệ với nhau một phần

thông qua thuật ngữ giữa M, phần còn lại không thể xác định đượcx quan hệ bởi chúng không có liên hệ gì với M nên không thể xác định mối quan hệ giữa chúng với nhau. Kết luận thu được không tất yếu logic.

-Quy tắc 4: Nếu một tiền đề là phán đoán bộ phận, thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận. Trong trường hợp trên cả lớp S và P đều chỉ có một phần đối tượng được xét đến ở tiền đề nên để đảm bảo tính nhất quán và có căn cứ của nhận thức, trong kết luận các lớp đối tượng cũng chỉ được đề cập tới dưới dạng phán đoán bộ phận.

-Quy tắc 5: Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định, thì kết luận phải là khẳng định.

*Các quy tắc riêng cho từng loại hình*

-Quy tắc cho loại hình I:

1. Tiền đề nhỏ phải là phán đoán khẳng định
2. Tiền đề lớn phải là phán đoán toàn thể

Có 4 kiểu suy luận đúng: AAA, EAE, AII, EIO.

-Quy tắc cho loại hình II:

1. Một trong hai tiền đề phải là phán đoán phủ định
2. Tiền đề lớn phải là phán đoán toàn thể

Các kiểu suy luận đúng: EAE, AEE, EIO, AOO.

-Quy tắc cho loại hình III:

1. Tiền đề nhỏ phải là phán đoán khẳng định
2. Kết luận phải là phán đoán bộ phận

Các kiểu suy luận đúng: AII, IAI, AII, EAO, OAO, EIO.

-Quy tắc cho loại hình IV:

1. Nếu tiền đề lớn khẳng định thì tiền đề nhỏ phải là toàn thể

2. Nếu có một tiền đề phủ định thì tiền đề lớn phải là toàn thể

Các kiểu suy luận đúng: AII, AEE, IAI, EAO, EIO.

## **Phần 2: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân**

### **2.1: Liên hệ thực tế**

#### **Ba quy tắc cho thuật ngữ:**

-Quy tắc 1: Trong tam đoạn luận chỉ được phép có ba thuật ngữ ( S, P, M )

Ví dụ: Bé An rất giỏi toán

Bé Bảo là người thông minh

Ta thấy ví dụ này đã vi phạm quy tắc 3 thuật ngữ. Trong ví dụ có đến 4 thuật ngữ hai chủ từ “ bé An, bé Bảo” và hai vị từ “giỏi toán và người thông minh” mà không có thuật ngữ giữa nên không thể gắn kết hai phán đoán lại với nhau, đồng nghĩa với việc không thể đưa ra bất cứ kết kết luận nào. Để tránh mắc lỗi sinh thêm thuật ngữ thì ở ví dụ này cần sửa lại như sau:

Chúng ta chỉ nên lấy M là bé Bảo hoặc bé An, nếu lấy là bé Bảo thì ta chỉ có ba thuật ngữ : Bé bảo ( M ), giỏi toán ( P ), người thông minh ( S ), từ đó sẽ rút ra được kết luận.

Bé Bảo ( M ) rất giỏi toán ( P )

Bé Bảo ( M ) là người thông minh ( S )

Một số người thông minh ( S ) rất giỏi toán (P)

-Quy tắc 2: Thuật ngữ giữa phải chu diên ít nhất một lần ở một trong hai tiền đề.

Ví dụ: Mọi sinh viên (P+) đều có năng lực tự học, tự nghiên cứu ( M-)

Hùng (S+) có năng lực tự học, tự nghiên cứu (M-)

Hùng ( S+) là sinh viên ( P-)



Ví dụ đã vi phạm quy tắc trên, vì thế kết luận trong ví dụ là không thể xác định. Hùng có thể không là sinh viên mà là bất kỳ ai làm bất cứ ngành nghề gì thì Hùng cũng có năng lực tự học, tự nghiên cứu chứ đâu nhất thiết phải là sinh viên thì mới có.

Nguyên nhân là do thuật ngữ giữa ( M ) “ có năng lực tự học, tự nghiên cứu” đóng vai trò là vị từ ở cả tiền đề lớn và tiền đề nhỏ nhưng lại không chu diên ở cả hai tiền đề theo quy tắc dẫn đến hậu quả mối liên hệ giữa thuật ngữ lớn và nhỏ sẽ không xác định được → không rút ra được kết luận.

-Quy tắc 3: Nếu thuật ngữ ( lớn và nhỏ) không chu diên ở tiền đề, thì cũng không được chu diên ở kết luận.

Ví dụ: Người ốm (M+) là người sốt (P-)

Hà Vy ( S+) không sốt (M+)

Hà Vy (S+) không là người ốm (P+)

Trong ví dụ trên rõ ràng P không chu diên ở tiền đề nhưng đến kết luận lại chu diên. Điều đó là không đúng vì đã vi phạm quy tắc nêu trên. Chính vì vậy kết luận sai. Ở đây Hà Vy không sốt không có nghĩa là Hà Vy không ốm. Giả sử Hà Vy cảm ,ho, đau đầu thì Hà Vy vẫn là người ốm. Kết luận từ hai tiền đề trên là không tất yếu đúng theo quy tắc.

### **Năm quy tắc cho tiền đề**

-Quy tắc 1: Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không rút ra kết luận.

Ví dụ: Mọi loài cá (M) không biết bay (P)

Chim ( S) không phải là cá (M)

Chim ( S ) không biết bay (P)

Kết luận trên là giả dối, không chân thực. Làm gì có chuyện chim lại không biết bay, vô lý. Nguyên nhân là do hai phán đoán ở tiền đề lớn và tiền đề nhỏ

đều là phán đoán phủ định nên không thể rút ra kết luận. Ở đây thuật ngữ giữa ( M ) không thể gắn kết giữa chủ từ và vị từ.

Giả sử ta thay “ chim “ thành một động vật khác như là “mèo” thì kết luận là “mèo không biết bay”, lúc này kết luận lại trở lên chân thực và hoàn toàn có lý . Vì thế, nếu vi phạm quy tắc trên sẽ không rút ra được kết luận.

-Quy tắc 2: Nếu một tiền đề là phủ định, thì kết luận cũng phải là phủ định.

Ví dụ: Người thành công là người chăm chỉ

Nam không phải là người chăm chỉ

Nếu kết luận là “ Nam là người thành công” thì đã vi phạm vào quy tắc, đồng nghĩa kết luận đó là hoàn toàn sai, vô lý không chân thực. Xảy ra sự phi mâu thuẫn trong suy luận, gặp phải mâu thuẫn trong logic. Không thể có một tiền đề phủ định mà kết luận lại là khẳng định .

Như vậy, nếu tuân theo quy tắc để tránh gặp phải sự mâu thuẫn trong suy luận thì ta cần đưa ra kết luận

Người thành công là người chăm chỉ

Nam không phải là người chăm chỉ

Nam không phải là người thành công

-Quy tắc 3: Nếu hai tiền đề cùng là hai phán đoán bộ phận, thì không rút ra được kết luận.

Trường hợp 1: Hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định bộ phận thì M sẽ không chu diên, do vậy không thể làm vai trò trung gian giữa hai thuật ngữ S, P, không rút ra được kết luận tất yếu đúng.

Ví dụ: Một số loài hoa sống trên cạn

Một số loài hoa màu hồng

Một số loài hoa màu hồng sống trên cạn

Như chúng ta thấy, ở ví dụ trên S và P sẽ quan hệ với nhau một phần thông qua thuật ngữ giữa M “ một số loài hoa ”. Mà ở đây theo quy tắc m sẽ không chu diên nên không thể làm cầu nối giữa S và P, kết luận rút ra sẽ không đúng. Bởi vì đâu chỉ có những loài hoa trên cạn mới có màu hồng, có những loài hoa sống dưới nước vẫn có thể là màu hồng như hoa sen, hoa súng,...

Trường hợp 2: Một trong hai phán đoán tiền đề là phán đoán bộ phận phủ định.

Ví dụ: Một số lớp luật học logic

Lớp B không phải lớp luật

Trong ví dụ trên, đã có một phán đoán bộ phận phủ định “ lớp B không phải lớp luật “ nếu kết luận được đưa ra sẽ là “ lớp B không phải học logic” kết luận là không hoàn toàn đúng ,vì lớp B không là lớp luật vẫn có thể học logic. Vì vậy trong ví dụ trên không rút ra được kết luận tất yếu đúng.

-Quy tắc 4: Nếu một tiền đề là phán đoán bộ phận, thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận.

Ví dụ: Một số người hát hay là ca sĩ

Tất cả sinh viên đều hát hay

Tất cả sinh viên là ca sĩ

Kết luận đưa ra đã vi phạm quy tắc trên ,nếu đã có một tiền đề là phán đoán bộ phận thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận, nghĩa là kết luận ở đây đúng ra sẽ là “ một số sinh viên là ca sĩ” . Điều đó cũng hợp lý, bởi vì sinh viên cứ hát hay thì đâu nhất thiết phải là ca sĩ.

-Quy tắc 5: Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định,thì kết luận phải là khẳng định.

Ví dụ: Mọi gia đình đều vui vẻ

A và B vui vẻ

A và B không là gia đình

Kết luận trên là hoàn toàn sai, bởi vì hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định thì theo quy tắc kết luận cũng phải là khẳng định. Vì thế kết luận ở đây phải là “A và B là gia đình”.

## **2.2: Liên hệ bản thân**

Cuộc sống ngày càng nảy sinh nhiều vấn đề, đòi hỏi ta phải có sự hiểu biết sâu sắc, đầy đủ và chính xác hơn về những gì mình đang nhận thức. Mọi hoạt động trong cuộc sống cũng như trong học tập đều liên quan đến tư duy, đặc biệt là khả năng suy luận của mỗi người. Vì thế suy luận có vai trò ngày càng quan trọng đối với mỗi người chúng ta

Suy luận giúp ta có thêm nhiều kiến thức bổ ích, từ những tri thức cũ đã biết ta có thể suy ra được nhiều tri thức mới làm phong phú, hoàn thiện, mạnh mẽ hơn những tri thức ấy. Giúp ta có vốn kiến thức sâu rộng và đầy đủ phục vụ cho cuộc sống và học tập.

Đối với bản thân là sinh viên của chuyên ngành luật kinh tế thì việc học tập tốt suy luận càng có vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó đem đến cho em rất nhiều lợi ích thiết thực và có lợi cho học tập và việc làm sau khi tốt nghiệp .

Suy luận giúp em nói riêng và các bạn sinh viên khoa luật nói chung nâng cao các kỹ năng nghiên cứu, nắm bắt để truyền đạt, tranh luận, phản biện những thông tin và suy nghĩ một cách chân thực và hiệu quả hơn. Tạo nên sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện những tình huống có vấn đề, thiếu logic.

Nâng cao năng lực phân tích, đánh giá các tình tiết, sự việc, nâng cao tư duy độc lập biết đặt câu hỏi và tìm câu trả lời. Từ đó khả năng xem xét vấn đề một cách toàn diện nhiều mặt cũng được nâng cao, để phát hiện ra những sai lầm,

thiếu sót trong cách lập luận của người khác để phản bác lại. Nhờ đó mà sinh viên sẽ chủ động trong việc tương tác trong mỗi giờ học, có lập trường riêng của mình và bảo vệ quan điểm của mình bằng chính suy luận của mình cũng như tiếp thu tri thức dưới góc độ khoa học dễ dàng và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó suy luận còn giúp sinh viên chuyển từ tư duy tự phát sang tự giác như : biết lập luận chặt chẽ có căn cứ, trình bày các quan điểm, tư tưởng một cách rõ ràng, chính xác, mạch lạc hơn. Phát hiện được những lỗi logic, thiếu căn cứ, mâu thuẫn trong quá trình lập luận, trình bày quan điểm, tư tưởng của người khác. Từ đó vạch ra thủ thuật nguy hiểm của đối phương để chứng minh, tranh luận, phản bác một cách thuyết phục. Bảo vệ, chứng minh quan điểm tư tưởng của mình là đúng đắn và khoa học.

Ngoài ra suy luận, còn giúp sinh viên chủ động tránh được những sai lầm trong tư duy của bản thân, để học tập và làm việc một cách khoa học và hiệu quả hơn. Suy luận còn giúp mỗi sinh viên có một tư duy khoa học để có thể nghiêm cứu khoa học và nhiều lĩnh vực khác.

Đặc biệt, với sinh viên khoa luật kinh tế học tập tốt hình thức suy luận cụ thể là tam đoạn luận đơn là điều rất cần thiết bởi nó rất quan trọng trong công việc sau này của mỗi sinh viên. Nếu có khả năng suy luận giỏi thì sinh viên sẽ dễ dàng tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp, cũng như trong việc thuyết phục khách hàng, các đối tác. Trong việc tư vấn, trao đổi pháp lý cho mọi người cũng hiệu quả và thuyết phục hơn bởi những lý luận, căn cứ chặt chẽ làm cho người ta tin tưởng vào khả năng làm việc của mình.

## KẾT LUẬN

Trên đây là bài tiểu luận của em về phân suy luận diễn dịch gián tiếp cụ thể là nghiên cứu về “ tam đoạn luận đơn”. Với các nội dung đã trình bày về : định nghĩa của tam đoạn luận đơn, cấu tạo của tam đoạn luận đơn, các loại hình của tam đoạn luận . Đặc biệt, là các quy tắc chung cho mỗi loại hình với việc phân tích các lỗi logic thông qua các ví dụ thực tế. Qua đó, cho chúng ta thấy tam đoạn luận đơn thực sự có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong nhận thức và thực tiễn của mỗi chúng ta. Từ những kiến thức cũ, kiến thức đã biết nhờ suy luận mà ta có thể suy ra những kiến thức mới theo một cách khoa học nào đó phù hợp với các quy tắc chung cho mọi loại hình làm tăng thêm vốn kiến thức ,giúp ta có nhiều kiến thức khoa học hơn. Tam đoạn luận đơn cũng giúp ta trang bị một tư duy khoa học, giúp ta tiếp cận được nhiều lĩnh vực trong cuộc sống dễ dàng và hiệu quả. Giúp ta tránh được những sai lầm trong tư duy để từ đó phát hiện ra những lập luận sai, không hợp lý từ đối phương để ta có thể đưa ra những tranh luận chặt chẽ và thuyết phục, cũng như phản bác, bác bỏ lại những quan điểm tư duy sai lầm của người khác. Như vậy tam đoạn luận đơn có vai trò thực sự quan trọng đối với bản thân chúng ta, đem lại cho chúng ta nhiều điều có ích trong cuộc sống cũng như trong nhận thức. Vì thế chúng ta nên cố gắng tìm hiểu và tiếp thu nó để có lối tư duy khoa học hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

-Giáo trình logic học đại cương

-Đường link:

<https://voer.edu.vn/c/dac-diem-chung-cua-suy-luan/8b7a7f05/52c20d26>

[http://m.dvtdt.edu.vn/default.aspx?portalid=khoaqlnncsxh&selectpageid=page.3165&n\\_g\\_manager=1033&newsdetail=7228](http://m.dvtdt.edu.vn/default.aspx?portalid=khoaqlnncsxh&selectpageid=page.3165&n_g_manager=1033&newsdetail=7228)